

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 196/2020/HS-PT

Ngày 17 - 8 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần.

Các Thẩm phán: Ông Y Thông Kbuôr, ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 160/2020/TLPT-HS, ngày 23 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thế M về tội “*Chứa mại dâm*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 110/2020/HS-ST, ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thế M**, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1983, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ dân phố F, thị trấn R, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M1 và bà Ngô Thị Ngọc A; bị cáo có vợ là Đặng Thị Thùy D và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 25/2011/HSST, ngày 01/4/2011, bị Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2019 đến ngày 22/01/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Giáng T nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thế M:* Luật sư Trần Việt T1 – Văn phòng Luật sư M2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Ánh T2, sinh năm 1988; trú tại: Đường Q, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Ngọc T3, sinh năm 1976; trú tại: Đường N, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Ông Đỗ Việt C, sinh năm 1975; trú tại: Xã I, huyện B1, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Ông Phạm Mạnh T4, sinh năm 1973; trú tại: Đường V, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

5. Ông Châu Văn S, sinh năm 1991; trú tại: Tổ dân phố O, thị trấn L1, huyện J, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

6. Ông Trần Ngọc T5, sinh năm 1977; trú tại: Đường P, phường L, thành phố B, Đắk Lắk – Vắng mặt.

7. Bà Đặng Thị Thùy T6, sinh năm 1978; trú tại: Đường P, phường L, thành phố B, Đắk Lắk – Vắng mặt.

8. Bà Đặng Thị Thùy D, sinh năm 1983; trú tại: Tổ dân phố F, thị trấn R, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Nhân A1, sinh năm 1990; trú tại: Thôn G, xã E1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà nghỉ P1, tại địa chỉ: Số Đường K1, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên chủ đăng ký kinh doanh là anh Trần Ngọc T5. Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019, Trần Thế M được anh T5 giao quản lý nhà nghỉ, hàng tháng phải trả cho anh T5 số tiền giao khoán là 15.000.000 đồng. Do nhà nghỉ vắng khách, muốn kiếm thêm tiền, Trần Thế M đã nhiều lần cho các gái bán dâm đến thuê phòng dùng làm địa điểm để mua bán dâm.

Vào khoảng 18 giờ, ngày 18 tháng 12 năm 2019, Đỗ Việt C đến nhà nghỉ P1, thuê phòng số 204 để nghỉ ngơi. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Đỗ Việt C cùng Phạm Mạnh T4 và Châu Văn S (Là các bạn của C) đi nhậu tại khu vực

ngã tư đường G1 và đường P2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Đỗ Viết C, Phạm Mạnh T4 và Châu Văn S về nhà nghỉ P1, ở tại phòng 204. Tại đây, Đỗ Viết C dùng điện thoại di động Nokia 1280, màu đen, số Imei: 352709/04/252063/5, gắn sim số thuê bao 0941.906.xxx, gọi vào số thuê bao 0842.707.xxx, gắn trong điện thoại di động hiệu Mobell gắn 2 sim số (sim 1: 0943.448.xxx; sim 2: 0842.707.xxx), màu đỏ, số Imei: 810163600015357, của Nguyễn Thị Giáng T. Trước đó Đỗ Viết C đã mua dâm và lưu số điện thoại của Nguyễn Thị Giáng T. C nói với T *“Anh với hai đứa bạn đang ở nhà nghỉ P1, em với bạn qua đây chơi với bọn anh”* thì T hiểu là C muốn mua dâm, nên đồng ý. Sau đó, T gặp và rủ Lê Thị Ngọc T3 (Là gái bán dâm), đang đứng tại khu vực đường C1 và đường G1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. T nói *“Chị Thảo ơi, lên P1 đi làm với em”*, T3 hiểu là đi bán dâm, nên đồng ý rồi cùng T đi bộ đến nhà nghỉ P1, bán dâm. Do trước đó Nguyễn Thị Giáng T và Lê Thị Ngọc T3 đã nhiều lần đến mua bán dâm tại nhà nghỉ P1, nên Trần Thế M không ghi chép thông tin cá nhân và đồng ý cho T, T3 bán dâm cho khách tại nhà nghỉ. Trần Thế M thu tiền phòng của gái bán dâm là 50.000 đồng/1 phòng. Sau đó, Nguyễn Thị Giáng T thỏa thuận tiền bán dâm với Đỗ Viết C, Phạm Mạnh T4 và Châu Văn S là 250.000 đồng/người/lượt mua bán dâm, thì tất cả đồng ý. C, Thái và S mỗi người lấy ra đưa cho T 300.000 đồng, tổng cộng là 900.000 đồng. Trong đó: 750.000 đồng là tiền mua dâm, 150.000 đồng là tiền cho riêng T. Nhận được tiền, T đưa cho T3 số tiền 250.000 đồng, là tiền bán dâm, T3 trả cho Trần Thế M tiền thuê phòng 202 số tiền 50.000 đồng. Do có 03 người (C, T4 và S) cùng mua dâm, nên T dùng điện thoại di động gọi vào sim số 0916.743.xxx, gắn trong điện thoại di động hiệu Viettel, màu đen, số Imei: 359430067982922, của Nguyễn Thị Ánh T2 (Là gái bán dâm), T rủ T2 *“Em có đi làm không, chạy qua nhà nghỉ P1”*, T2 hiểu là đi bán dâm, thì đồng ý và nói *“Em đang chạy qua”*. T nói *“Tiền chị lấy rồi, hai trăm rưỡi”*. Một lúc sau, T2 đi xe thồ (Chưa rõ nhân thân, lai lịch), đến gặp T tại quầy lễ tân của nhà nghỉ P1. T và T2 lấy bao cao su trên quầy lễ tân do Trần Thế M chuẩn bị trước đó, thuê thêm phòng 202 và phòng nhân viên, để mua bán dâm. T trả cho M 100.000 đồng là tiền thuê 02 phòng cho T và T2. Sau đó, T vào phòng 204 bán dâm cho C, T3 vào phòng 202 bán dâm cho T4, T2 vào phòng nhân viên bán dâm cho S, tại nhà nghỉ P1. Đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, khi T, T3, T2 đang mua bán dâm với C, T4 và S, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, phát hiện bắt quả tang.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 110/2020/HS-ST, ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thế M phạm tội *“Chứa mại dâm”*.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Trần Thế M 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2019 đến ngày 22/01/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Giáng T, về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Ngày 25/5/2020, bị cáo Trần Thế M có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và cho rằng khi bị bắt giữ bị cáo đã hoảng sợ nên đã khai chứa gái mại dâm nhiều lần. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xác định chỉ chứa gái mại dâm một lần thì bị bắt quả tang.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thế M: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều thừa nhận bị cáo nhận thức được bị cáo Nguyễn Thị Giáng T cùng Lê Thị Ngọc T3, Nguyễn Thị Ánh T2 đến nhà nghỉ P1 thuê phòng để thực hiện hành vi bán dâm, vì trước đó T, T3, T2 đã đến bán dâm tại nhà nghỉ P1 nhiều lần nhưng vì động cơ vụ lợi muốn tăng số lượng khách đến nhà nghỉ nên bị cáo vẫn chứa chấp cho T, T3 và T2 dùng nhà nghỉ để làm địa điểm mua bán dâm. Lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo T và lời khai của các gái bán dâm T3, T2, do đó cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức án 05 năm 06 tháng tù là thỏa đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị HĐXX bác đơn kháng cáo của bị cáo M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa cho rằng: Tuy lời khai của bị cáo có khai chứa chấp nhiều lần nhưng Cơ quan tiến hành tố tụng không xác định rõ thời gian, địa điểm thực hiện việc chứa chấp gái bán dâm của các lần trước khi bị bắt quả tang là chưa áp dụng đúng các Điều 15; 85; 86 và Điều 91 của Bộ luật tố tụng hình sự, mà chỉ căn cứ vào lời khai băng quơ của các gái bán dâm để quy kết bị cáo chứa mại dâm nhiều lần là chưa áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội đối với bị cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo chỉ vô ý phạm tội, bản thân bị cáo không đồng ý, không cho phép, không thu lợi và không biết khách đến mua dâm trong nhà nghỉ cho đến khi bị Cơ quan điều tra kiểm tra phát hiện bắt quả tang ngày 18/12/2019 là không có căn cứ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đều thừa nhận bị cáo nhận thức được bị cáo Nguyễn Thị Giáng T cùng Lê Thị Ngọc T3, Nguyễn Thị Ánh T2 đến nhà nghỉ P1 thuê phòng để thực hiện hành vi bán dâm vì trước đó T, T3, T2 đã đến bán dâm tại nhà nghỉ P1 nhiều lần, nhưng vì động cơ vụ lợi muốn tăng số lượng khách đến nhà nghỉ nên bị cáo vẫn chứa chấp cho T, T3 và T2 dùng nhà nghỉ để làm địa điểm mua bán dâm. Lời khai này là phù hợp với lời khai của bị cáo T và lời khai của các gái bán dâm T3, T2. Hành vi này của bị cáo là lỗi cố ý chứ không phải vô ý như kháng cáo của bị cáo.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 18 tháng 12 năm 2019, Trần Thế M đã thực hiện hành vi chứa mại dâm cho Nguyễn Thị Giáng T, Nguyễn Thị Ánh T2, Lê Thị Ngọc T3, Đỗ Viết C, Phạm Mạnh T4, Châu Văn S tại nhà nghỉ P1, địa chỉ số Đường K1, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trần Thế M đều khai nhận, trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019, tại nhà nghỉ P1, Trần Thế M đã nhiều lần cho Nguyễn Thị Giáng T, Lê Thị Ngọc T3, Nguyễn Thị Ánh T2 là gái bán dâm đến nhà nghỉ thuê phòng dùng làm địa điểm để mua bán dâm. Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thế M về tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 05 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Thế M là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 110/2020/HS-ST, ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thế M – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 110/2020/HS-ST, ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thế M **05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “*Chứa mại dâm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2019 đến ngày 22/01/2020.

[3] Về án phí: Bị cáo Trần Thế M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. B;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuấn